

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

-----\*\*\*-----



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ  
QUÝ II NĂM 2021**

**ĐƠN VỊ BÁO CÁO: CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Cho Quý II năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**DANH MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ II NĂM 2021**

<b>STT</b>	<b>BIỂU SỐ</b>	<b>NỘI DUNG BIỂU</b>	<b>KỲ BÁO CÁO</b>	<b>TRANG</b>
1	B01-DN	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	QUÝ II NĂM 2021	1-2
2	B02-DN	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	QUÝ II NĂM 2021	3-3
3	B03-DN	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	QUÝ II NĂM 2021	4-4
4	B09-DN	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	QUÝ II NĂM 2021	5-21

**NGƯỜI LẬP**



*Nguyễn Bảo Ngọc*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



*Trần Thị Thanh Hương*



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Vương Ngọc Sơn*

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Cho Quý II năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

**QUÝ II NĂM 2021**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 30/06/2021	NGÀY 01/01/2021
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>224.421.437.795</b>	<b>118.308.939.795</b>
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
<b>I - Tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>94.496.686.979</b>	<b>19.587.028.863</b>
1 - Tiền	111		94.496.686.979	19.587.028.863
2 - Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II - Các khoản đầu tư TC ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>-</b>
1 - Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2 - Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3 - Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		40.000.000.000	-
<b>III - Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>27.276.741.087</b>	<b>50.316.185.803</b>
1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	18.766.141.529	41.438.208.088
2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.270.741.717	2.945.077.957
6 - Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	15.680.819.049	16.602.684.966
7 - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	137	V.5	(10.440.961.208)	(10.669.785.208)
<b>IV - Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>38.626.131.195</b>	<b>36.069.394.090</b>
1 - Hàng tồn kho	141	V.6	38.626.131.195	36.069.394.090
<b>V - Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>24.021.878.534</b>	<b>12.336.331.039</b>
1 - Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	2.536.375.299	1.302.057.768
2 - Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.018.299.698	2.660.128.354
3 - Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	8.467.203.537	8.374.144.917
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>382.124.704.546</b>	<b>419.771.688.238</b>
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
<b>II - Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>343.024.312.519</b>	<b>382.397.067.416</b>
1 - Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	342.750.979.184	382.234.317.416
- Nguyên giá	222		1.383.804.515.278	1.380.591.718.478
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.041.053.536.094)	(998.357.401.062)
2 - Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3 - Tài sản cố định vô hình	227	V.9	273.333.335	162.750.000
- Nguyên giá	228		472.654.500	427.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(199.321.165)	(264.904.500)
<b>III - Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.11</b>	<b>5.861.898.777</b>	<b>6.298.854.633</b>
- Nguyên giá	231		24.550.647.769	24.550.647.769
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(18.688.748.992)	(18.251.793.136)
<b>IV- Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.7</b>	<b>819.936.291</b>	<b>819.936.291</b>
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		819.936.291	819.936.291
<b>V - Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>6.641.738.005</b>	<b>9.336.924.005</b>
1 - Đầu tư vào công ty con	251		5.000.000.000	5.000.000.000
3 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	2.965.165.125	5.998.468.525
4 - Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2	(1.323.427.120)	(1.661.544.520)
<b>V - Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>25.776.818.954</b>	<b>20.918.905.893</b>
1 - Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	25.776.818.954	20.918.905.893
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN ( 270 = 100 + 200 )</b>	<b>270</b>		<b>606.546.142.341</b>	<b>538.080.628.033</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

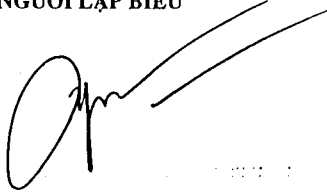
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Cho Quý II năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 30/06/2021	NGÀY 01/01/2021
1	2	3	4	5
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ ( 300 = 310 + 330 )</b>	<b>300</b>		<b>473.139.134.927</b>	<b>473.711.233.393</b>
<b>I - Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>315.030.527.396</b>	<b>267.929.099.291</b>
1 - Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	32.530.980.248	31.931.682.842
2 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.731.648.000	-
3 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	-	39.736.823
4 - Phải trả người lao động	314		18.028.593.360	10.298.366.582
5 - Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	724.468.022	819.484.408
8 - Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	15.734.277.495	194.338.523
9- Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	54.764.041.028	47.121.385.826
10 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	190.290.284.143	175.849.069.187
12 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.226.235.100	1.675.035.100
<b>II - Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>158.108.607.531</b>	<b>205.782.134.102</b>
7 - Phải trả dài hạn khác	337	V.18	19.146.483.531	46.518.236.602
8 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	138.962.124.000	159.263.897.500
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>133.407.007.414</b>	<b>64.369.394.640</b>
<b>I - Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>133.407.007.414</b>	<b>64.369.394.640</b>
1 - Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
8 - Quỹ đầu tư phát triển	418		82.932.721.854	82.932.721.854
11 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(149.525.714.440)	(218.563.327.214)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(215.386.081.180)	(219.477.861.463)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		65.860.366.740	914.534.249
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN ( 440 = 300 + 400 )</b>	<b>440</b>		<b>606.546.142.341</b>	<b>538.080.628.033</b>

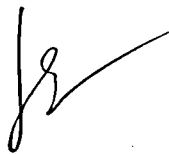
Lập ngày 28 tháng 07 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Cho Quý II năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số : B02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)


**QUÝ II NĂM 2021**

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	QUÝ II		LUỸ KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ II	
			QUÝ II NĂM 2021	QUÝ II NĂM 2020	NĂM 2021	NĂM 2020
I	2	3	4	5	6	7
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.24	227.670.918.688	107.400.783.068	364.481.798.878	245.596.731.259
2- Các khoản giảm trừ	02				-	
3 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 10 = 01 - 02 )	10	VI.26	227.670.918.688	107.400.783.068	364.481.798.878	245.596.731.259
4 - Giá vốn hàng bán	11	VI.27	161.430.884.860	109.912.152.114	292.624.926.087	246.782.952.035
5 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ( 20 = 10 - 11 )	20		66.240.033.828	(2.511.369.046)	71.856.872.791	(1.186.220.776)
6 - Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.28	7.767.263.688	161.506.271	7.915.243.339	168.965.186
7 - Chi phí tài chính	22	VI.29	5.931.795.970	1.163.586.350	11.410.001.887	11.813.879.867
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		5.614.789.548	5.112.516.247	11.020.877.470	10.783.753.356
8 - Chi phí bán hàng	25	VI.32	6.306.763.532	841.959.649	10.181.321.838	2.406.561.552
9 - Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.32	8.676.797.650	3.765.270.267	13.911.606.404	8.432.402.715
10 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30 = 20 + ( 21 - 22) - ( 25 + 26)	30		53.091.940.364	(8.120.679.041)	44.269.186.001	(23.670.099.724)
11 - Thu nhập khác	31	VI.30	12.768.426.376	26.050.190.348	24.768.426.774	26.050.191.043
12 - Chi phí khác	32	VI.31	-	854	1	77.000.575
13 - Lợi nhuận khác ( 40 = 31- 32 )	40		12.768.426.376	26.050.189.494	24.768.426.773	25.973.190.468
14 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế ( 50= 30 + 40)	50		65.860.366.740	17.929.510.453	69.037.612.774	2.303.090.744
15 - Chi phí thuế TNDN hiện hành	51				0,00	
16 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				-	
17 - Lợi nhuận sau thuế TNDN ( 60 = 50 - 51-52)	60		65.860.366.740	17.929.510.453	69.037.612.774	2.303.090.744
18 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3.293	896	3.452	115
19 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

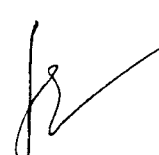
Lập ngày 28 tháng 07 năm 2021

NGƯỜI LẬP

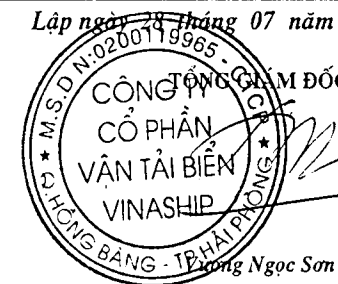


Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP.Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Cho Quý II năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**


(Dạng đầy đủ)

( Theo phương pháp gián tiếp)

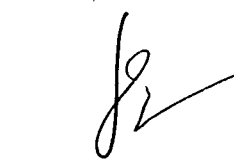
QUÝ II NĂM 2021

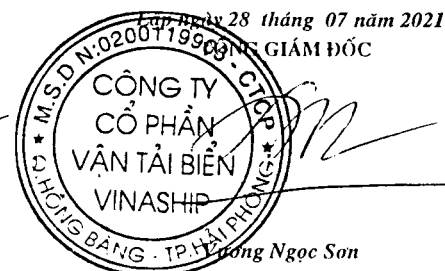
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý II	
			NĂM 2021	NĂM 2020
1	2	3	4	5
<b>I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1 - Lợi nhuận trước thuế	01		69.037.612.774	2.303.090.744
2 - Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		43.187.507.553	42.694.370.362
- Các khoản dự phòng	03		(566.941.400)	(25.766.950)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(680.415.740)	523.656.502
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.997.496.894)	(26.069.869.831)
- Chi phí lãi vay	06		11.020.877.470	10.783.753.356
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(24.757.043.813)	
<b>3 - Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>90.244.099.950</b>	<b>30.209.234.183</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		15.602.423.170	(1.010.572.944)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.556.737.105)	7.141.978.766
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		23.406.868.192	(27.663.888.995)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6.092.230.592)	4.764.697.421
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.788.691.455)	(4.809.017.739)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(448.800.000)	(384.800.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>114.366.932.160</b>	<b>8.247.630.692</b>
<b>II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(4.190.746.000)	(499.410.000)
2 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			26.050.000.000
3 - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(40.000.000.000)	
4 - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5 - Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(456.228.000)	
6 - Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.489.531.400	
7 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.997.496.894	28.960.740
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(34.159.945.706)</b>	<b>25.579.550.740</b>
<b>III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1 - Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2 - Tiền chi trả vốn góp cho các chủ SH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3 - Tiền thu từ đi vay	33	VII	4.190.000.000	2.740.000.000
4 - Tiền trả nợ gốc vay	34	VII	(9.540.000.000)	(25.397.024.829)
5 - Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6 - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(5.350.000.000)</b>	<b>(22.657.024.829)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ ( 50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>74.856.986.454</b>	<b>11.170.156.603</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>		<b>19.587.028.863</b>	<b>18.012.704.619</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		52.671.662	(54.233.566)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ ( 70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>94.496.686.979</b>	<b>29.128.627.656</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU

  
Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG

  
Trần Thị Thanh Hương



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý II năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

---

Mẫu số B09-DN

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY II NĂM 2021

#### I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

##### 1- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam sở hữu 51%

- Công ty có trụ sở chính đặt tại địa chỉ số 1 Hoàng Văn Thụ ,phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 30/06/2021, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau :

+ Các chi nhánh :

Chi nhánh Hồ Chí Minh tại 5E Nguyễn Đình Chiểu, quận I, Tp Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng tại 26 Nguyễn chí Thanh, thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Quảng ninh tại 73 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long

- Công ty con: 01 công ty con được hợp nhất

Công ty TNHH Dịch vụ hàng hải Vinaship tại 280 Ngô Quyền,phường Minh Khai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 30/06/2021, Công ty có tổng số cán bộ công nhân viên là 355 người.

##### 2- Lĩnh vực kinh doanh : vận tải đường biển

##### 3- Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh vận tải biển;  
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;  
- Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận,nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ khai thuế hải quan; dịch vụ môi giới thuê tàu biển; môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ logistics; đại lý vé máy bay, vé tàu; dịch vụ môi giới vận tải; dịch vụ vận tải đa phương thức; đại lý container; khai thác cảng, biển; dịch vụ quản lý tàu;

- Dịch vụ hợp tác lao động ;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày : khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ ;

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Bán buôn kinh doanh phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;

- Bốc xếp hàng hóa;

- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;...

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Cho Quý II năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

---

#### **4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong Quý II năm 2021 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Kể từ cuối tháng 2/2021, nhu cầu vận chuyển tăng trưởng nhờ nhu cầu mạnh mẽ từ thị trường Trung Quốc và hiệu ứng từ chương trình kích thích kinh tế trị giá 1.900 tỷ USD của Mỹ góp phần đẩy giá cước vận tải hàng không phục hồi và tăng nóng từ tháng 3/2021 cho đến nay. Do vậy, doanh thu vận tải biển Quý 2/2021 tăng mạnh so với cùng kỳ.

Trong quý 2/2021, Công ty được ghi nhận thu nhập từ việc tái cơ cấu tài chính với các tổ chức tín dụng (12,7 tỷ đồng).

Đồng thời, từ việc thực hiện bán cổ phiếu ngoài ngành, Công ty cũng thu về một khoản doanh thu hoạt động tài chính (hơn 7 tỷ đồng).

Các nguyên nhân trên làm cho kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Quý 2 và 06 tháng năm 2021 của Công ty đạt lợi nhuận cao.

#### **II – KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :**

1- **Kỳ kế toán quý II** : bắt đầu từ ngày 01/04 kết thúc vào ngày 30/06 của năm. Kỳ kế toán quý II năm 2021 bắt đầu từ ngày 01/04/2021 đến 30/06/2021.

2- **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán** : Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt nam.

#### **III – CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :**

1- **Chế độ kế toán áp dụng** : Theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :**

- Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt nam đã được công bố.
- Công ty thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

#### **3- Hình thức kế toán áp dụng :**

- Tổ chức công tác kế toán nửa tập trung, nửa phân tán.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng : Phần mềm kế toán.

#### **IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG :**

1- **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, tương đương tiền; nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :**

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép là Đồng Việt nam. Đối với nghiệp vụ liên quan đến tiền, các khoản phải thu, phải trả đồng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo Tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Cho Quý II năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

---

xi đảm bảo chênh lệch không vượt quá  $\pm 1\%$  so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Cuối niên độ kế toán quý, năm đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

- Đối với các khoản tiền gửi và tiền vay tại các ngân hàng: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.
- Đối với các khoản phải thu, phải trả khác: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch.

#### **2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho :**

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : giá bình quân gia quyền
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT/BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

Việc quản lý hàng tồn kho theo chuẩn mực kế toán số 02.

#### **3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :**

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình : Theo chuẩn mực kế toán 03,04 và thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực TT 89/2002/TT-BTC ngày 9/10/2002 của Bộ tài chính; thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013, thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá. Trong Bảng cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính : theo Chuẩn mực số 06; Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ hữu hình và vô hình : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

#### **4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :**

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : theo Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 23/2005/TT-BTC -30/3/2005 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận bất động sản đầu tư theo nguyên giá.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

#### **5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :**

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con theo Chuẩn mực số 25, Công ty liên kết theo Chuẩn mực số 07, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Chuẩn mực số 08.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn : Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Cho Quý II năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

---

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn : Các khoản đầu tư có thời thu hồi vốn từ 1 năm trở lên. Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính theo giá gốc.

- Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán, hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán được thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

#### **6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay :**

- Chính sách kế toán được áp dụng cho chi phí đi vay: Thực hiện theo chuẩn mực 16 “ Chi phí đi vay” và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực TT105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 : Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi phát sinh chi phí đi vay trong thời gian đầu tư xây dựng, sản xuất dở dang cho đến tài sản đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

#### **7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác :**

- Chi phí trả trước : Khi phát sinh khoản chi phí lớn, có liên quan đến nhiều kỳ hạch toán kế toán.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Từng kỳ hạch toán, kế toán phân bổ chi phí trả trước cho số kỳ liên quan. Chi phí sửa chữa lớn tàu biển sau khi hoàn thành sửa chữa sẽ được phân bổ vào chi phí trong thời gian tối đa 03 năm.

#### **8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất , kinh doanh của kỳ báo cáo.

#### **9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :**

- Nguyên tắc ghi nhận : theo chuẩn mực số 18 “ Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng” : Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế ; có một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

- Phương pháp ghi nhận : được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 : Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ kế toán.

#### **10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :**

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu , thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

+ Thặng dư vốn cổ phần : ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu.

+ Vốn khác của chủ sở hữu: ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân biếu tặng sau khi trừ đi khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, thông tư 53/2016/TT-BTC.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Cho Quý II năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

---

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập trừ đi chi phí ,thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm nay; các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước được hạch toán vào lợi nhuận chưa phân phối.

#### **11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :**

Doanh thu được ghi nhận theo Chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng : Khi Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm và xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi công ty hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng. Đối với trường hợp hoạt động dịch vụ diễn ra trong nhiều kỳ, doanh thu sẽ được phân bổ theo tỷ lệ hoàn thành tại ngày cuối kỳ.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :

+ Đối với lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu thì thời điểm xác định doanh thu theo thời gian của hợp đồng cho vay hoặc kỳ nhận lãi.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có quyết định, nghị quyết hoặc thông báo được chia.

+ Lãi chuyển nhượng chứng khoán.

+ Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành.

#### **12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :**

Ghi nhận chi phí tài chính các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.

**13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại :** theo Chuẩn mực số 17, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của BTC.

**14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : Không có**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số B 09-DN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY ME**

Cho Quý II năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN :**

	<u>Ngày 30/06/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
<b>1- Tiền</b>		
- Tiền mặt	333.174.000	877.587.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	94.163.512.979	18.709.441.863
<b>Cộng</b>	<u><u>94.496.686.979</u></u>	<u><u>19.587.028.863</u></u>
<b>2- Các khoản đầu tư tài chính</b>	<u>Ngày 30/06/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
<b>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	40.000.000.000	-
<b>c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	7.965.165.125	10.998.468.525
- Đầu tư góp vốn vào công ty con	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Góp vốn bằng tiền mặt	4.207.068.905	4.207.068.905
+ Góp vốn bằng tài sản cố định	620.639.567	620.639.567
+ Góp vốn bằng hàng tồn kho	172.291.528	172.291.528
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-
- Đầu tư cổ phiếu	2.965.165.125	5.998.468.525
<i>Chi tiết đầu tư cổ phiếu tính đến 30/06/2021</i>		
Ngân hàng TMCP Hàng Hải : 39.672 CP (số CP mua thêm đang chờ về)	456.228.000	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải : 85.853 CP	695.508.600	4.185.040.000
Công ty CP vận tải biển Việt nam : 60.000 CP	1.276.000.000	1.276.000.000
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt nam : 33.686 CP	537.018.920	537.018.920
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam : 9 CP	409.605	409.605
<b>Cộng</b>	<u><u>47.965.165.125</u></u>	<u><u>10.998.468.525</u></u>
<b>d) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn</b>		
Công ty CP vận tải biển Việt nam : 60.000 CP	(830.200.000)	(1.138.000.000)
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt nam : 33.686 CP	(493.227.120)	(523.544.520)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam : 9 CP	-	-
<b>Cộng</b>	<u><u>(1.323.427.120)</u></u>	<u><u>(1.661.544.520)</u></u>
<b>3- Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<u>Ngày 30/06/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
- Cty TNHH vận tải hàng công nghệ cao	2.021.971.718	2.103.407.139
- HC Trading Malta ltd	1.118.173.250	-
- Cty TNHH Đầu tư và TM Quốc tế Gia Nguyễn	-	-
- Cty CP Vận tải biển Hoàn Sơn	10.635.289.073	16.635.289.073
- Các khoản phải thu của khách hàng khác	4.990.707.488	22.699.511.876
<b>Cộng</b>	<u><u>18.766.141.529</u></u>	<u><u>41.438.208.088</u></u>
<b>4- Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<u>Ngày 30/06/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
- Tạm ứng	3.926.395.130	3.555.507.911

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số B 09-DN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Cho Quý II năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

- Phải thu tiền bảo hiểm về trách nhiệm dân sự và thân tàu của tàu biển	762.657.317	1.920.315.181
- Phải thu về sửa chữa tàu chi hộ Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
-BH tai nạn	10.326.386	8.975.386
- Bảo hiểm xã hội	217.011.146	240.514.755
- Bảo hiểm thất nghiệp	31.825.365	34.809.950
- Phải thu khoản hỗ trợ thành phố trong việc bàn giao đất TM8	317.252.000	-
- Trung tâm phát triển quỹ đất quận Lê Chân	2.983.955.413	2.983.955.413
- Các khoản chi hộ	58.696.000	58.696.000
- Các khoản phải thu khác	26.212.718	455.422.796
+ Phải thu khác	26.212.718	455.422.796
- Giá trị thuần của phải thu thương mại và phải thu khác		
<b>Cộng</b>	<b>15.680.819.049</b>	<b>16.602.684.966</b>
<b>5- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>Ngày 30/06/2021</b>	<b>Ngày 01/01/2021</b>
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi		
- Liana Carrier Ltd	59.231.742	59.231.742
- Sky Ocean Shipping	484.952.633	484.952.633
- CN Bạch Đằng- Cty TNHH MTV Duyên Hải	247.550.379	247.550.379
- Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
- Cty TNHH thương mại dịch vụ Tân Đông Thuận	636.440.000	636.440.000
-Cty CP thương mại vận tải Thiên Thành	124.864.880	124.864.880
-Cty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	1.104.934.000	1.104.934.000
-Nguyễn Văn Bình	370.500.000	370.500.000
-Cty TNHH thương mại vận tải Việt Dũng	70.000.000	298.824.000
<b>Cộng</b>	<b>10.440.961.208</b>	<b>10.669.785.208</b>
<b>6- Hàng tồn kho</b>	<b>Ngày 30/06/2021</b>	<b>Ngày 01/01/2021</b>
- Nguyên liệu, vật liệu	38.626.131.195	36.069.394.090
- Chi phí dịch vụ dở dang		
<b>Cộng</b>	<b>38.626.131.195</b>	<b>36.069.394.090</b>
<b>7- Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>Ngày 30/06/2021</b>	<b>Ngày 01/01/2021</b>
+ XD bãi container Đình Vũ - HP	91.957.200	91.957.200
+ Chi phí XD lô đất TM8 khu vực đường Hồ Sen	727.979.091	727.979.091
<b>Cộng</b>	<b>819.936.291</b>	<b>819.936.291</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Cho Quý II năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình 06 tháng năm 2021**

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PHI TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	MÁY MÓC TB	DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
<b>I - NGUYÊN GIÁ TSCĐ</b>						
1. Số dư đầu kỳ		6.330.856.188	1.373.812.718.983	130.752.694	317.390.613	1.380.591.718.478
2. Số tăng trong kỳ		-	3.212.796.800	-	-	3.212.796.800
Trong đó :						
- Do mua sắm			3.212.796.800			3.212.796.800
- Đầu tư XDCB hoàn thành						-
3. Số giảm trong kỳ		-	-	-	-	-
4. Số cuối kỳ		6.330.856.188	1.377.025.515.783	130.752.694	317.390.613	1.383.804.515.278
Trong đó :						
- Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng		3.239.945.900	79.547.405.317	100.752.694	284.881.522	83.172.985.433
- Chờ thanh lý						-
<b>II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>						
1. Đầu kỳ		4.813.059.339	993.137.392.760	119.900.167	287.048.796	998.357.401.062
2. Tăng trong kỳ		84.279.168	42.605.649.368	2.142.858	4.063.638	42.696.135.032
- Khấu hao		84.279.168	42.605.649.368	2.142.858	4.063.638	42.696.135.032
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư						-
3. Giảm trong kỳ		-	-	-	-	-
4. Số cuối kỳ		4.897.338.507	1.035.743.042.128	122.043.025	291.112.434	1.041.053.536.094
<b>III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
1. Đầu kỳ		1.517.796.849	380.675.326.223	10.852.527	30.341.817	382.234.317.416
2. Cuối kỳ		1.433.517.681	341.282.473.655	8.709.669	26.278.179	342.750.979.184
- Giá trị còn lại của các TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay			335.938.267.710			335.938.267.710

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng văn Thụ - Hồng bàng - Hải phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Cho Quý II năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**9- Tăng , giảm tài sản cố định vô hình 06 tháng năm 2021**

CHỈ TIÊU \ NHÓM TSCĐ	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TỔNG CỘNG
<b>I - Nguyên giá</b>			
1 . Số dư đầu kỳ	-	427.654.500	427.654.500
2 . Số tăng trong kỳ	-	165.000.000	165.000.000
Trong đó :			
- Mua trong kỳ		165.000.000	165.000.000
3 . Số giảm trong kỳ	-	120.000.000	120.000.000
-Giảm khác		120.000.000	120.000.000
4 . Số cuối kỳ	-	472.654.500	472.654.500
<b>II - Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
1 . Đầu kỳ	-	264.904.500	264.904.500
2 . Tăng trong kỳ	-	54.416.665	54.416.665
Do trích khấu hao		54.416.665	54.416.665
3 . Giảm trong kỳ	-	120.000.000	120.000.000
- Chuyển sang CCDC theo TT45			-
- Giảm khác		120.000.000	120.000.000
4 . Số cuối kỳ	-	199.321.165	199.321.165
<b>III - Giá trị còn lại</b>			
1 . Đầu kỳ	-	162.750.000	162.750.000
2 . Cuối kỳ	-	273.333.335	273.333.335

10- Tăng, giảm TSCĐ thuê tài chính 06 tháng năm 2021: Không có

**11 - Tăng , giảm bất động sản đầu tư 06 tháng năm 2021**

CHỈ TIÊU \ NHÓM TS	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH.TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	TỔNG CỘNG
<b>I - Nguyên giá</b>			
1 . Số dư đầu kỳ	24.422.357.623	128.290.146	24.550.647.769
2 . Số tăng trong kỳ	-	-	-
3 . Số giảm trong kỳ		-	-
4 . Số dư cuối kỳ	24.422.357.623	128.290.146	24.550.647.769
<b>II - Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
1 . Số dư đầu kỳ	18.123.502.990	128.290.146	18.251.793.136
2 . Số tăng trong kỳ	436.955.856	-	436.955.856
- Do chuyển từ TSCĐ sang			-
- Do trích khấu hao	436.955.856		436.955.856
3 . Số giảm trong kỳ	-	-	-
4 . Số cuối kỳ	18.560.458.846	128.290.146	18.688.748.992
<b>III - Giá trị còn lại</b>			
1 . Số dư đầu kỳ	6.298.854.633	-	6.298.854.633
4 . Số dư cuối kỳ	5.861.898.777	-	5.861.898.777

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Cho Quý II năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

	Ngày 30/06/2021	Ngày 01/01/2021
<b>12- Chi phí trả trước</b>		
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Chi phí bảo hiểm đội tàu	2.536.375.299	1.302.057.768
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.536.375.299</b>	<b>1.302.057.768</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	25.744.735.621	20.873.072.560
- Chi phí trả trước dài hạn khác	32.083.333	45.833.333
<b>Cộng</b>	<b>25.776.818.954</b>	<b>20.918.905.893</b>
<b>14- Vay và nợ thuê tài chính</b>		
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>33.850.000.000</b>	<b>35.000.000.000</b>
Trong đó :		
+ Vay cá nhân	33.850.000.000	35.000.000.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>295.402.408.143</b>	<b>300.112.966.687</b>
- Kỳ hạn từ 01 năm trở xuống	156.440.284.143	140.849.069.187
Trong đó :		
+ Vay Ngân hàng phát triển HP	49.301.000.000	46.805.000.000
+ Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt	107.139.284.143	94.044.069.187
-Kỳ hạn từ 01 năm trở lên	138.962.124.000	159.263.897.500
+ Vay Ngân hàng phát triển HP	32.409.450.000	39.105.450.000
+ Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt	106.552.674.000	120.158.447.500
+ Nợ dài hạn DATC		
<b>Cộng</b>	<b>329.252.408.143</b>	<b>335.112.966.687</b>
<b>15- Phải trả người bán</b>		
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>		
PT Indofuels Limited		7.301.624.629
Monjasa		-
Cty CP xuất nhập khẩu Kim Việt	15.147.192.500	-
Cty TNHH thương mại xăng dầu Thành Long		-
Phải trả các đối tượng khác	17.383.787.748	24.630.058.213
<b>Cộng</b>	<b>32.530.980.248</b>	<b>31.931.682.842</b>
<b>16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>		
<b>a) Phải nộp</b>		
- Thuế thu nhập cá nhân	-	39.736.823
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
trong đó: tiền thuê đất		-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>39.736.823</b>
<b>b) Phải thu</b>		
- Thuế TNDN nộp thừa cho Nhà nước	8.374.144.917	8.374.144.917
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	93.058.620	-
<b>Cộng</b>	<b>8.467.203.537</b>	<b>8.374.144.917</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Cho Quý II năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

	<u>Ngày 30/06/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
<b>17- Chi phí phải trả</b>		
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Chi phí phải trả lãi vay	386.087.982	217.453.269
- Chi phí phải trả khác	338.380.040	602.031.139
	<u>724.468.022</u>	<u>819.484.408</u>
<b>18- Phải trả khác</b>		
<b>Ngắn hạn</b>		
- Công đoàn phí	200.314.888	210.872.772
- Kinh phí công đoàn	324.363.840	804.185.845
- Bảo hiểm xã hội		-
- Bảo hiểm y tế	46.717.872	60.468.928
- Bảo hiểm thất nghiệp		-
- Bảo hiểm ốm đau thai sản		-
- Thuế TNCN	68.321.972	40.638.313
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.804.071.588	7.804.071.588
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên	2.000.251.481	1.755.839.445
- Phải trả lãi vay các tổ chức tín dụng	43.378.716.986	35.909.494.888
- Phải trả lãi vay công ty mua bán nợ VN (DATC)		4.166.882.686
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	941.282.401	535.814.047
<b>Cộng</b>	<u>54.764.041.028</u>	<u>47.121.385.826</u>
<b>Dài hạn</b>		
- Phải trả lãi vay NH TMCP	19.146.483.531	21.751.192.789
- Nợ gốc và lãi vay ngân hàng chờ xử lý		24.767.043.813
<b>Cộng</b>	<u>19.146.483.531</u>	<u>46.518.236.602</u>
<b>19- Doanh thu chưa thực hiện</b>		
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15.734.277.495	194.338.523
<b>Cộng</b>	<u>15.734.277.495</u>	<u>194.338.523</u>

**20- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả : Không có**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Cho Quý II năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**V21- Trình bày những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu :****a- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu 06 tháng năm 2021**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(219.860.726.730)	63.071.995.124
Tăng trong năm trước					-
- Tăng vốn trong năm nay					-
- Lãi năm 2020				1.297.399.516	1.297.399.516
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(218.563.327.214)	64.369.394.640
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(218.563.327.214)	64.369.394.640
-Lãi Quý I				3.177.246.034	3.177.246.034
-Lãi Quý II				65.860.366.740	65.860.366.740
					-
					-
Số dư cuối ngày 30/06/2021	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(149.525.714.440)	133.407.007.414

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Cho Quý II năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

<b>b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:</b>	<u>Ngày 30/06/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
<i>Theo danh sách cổ đông chốt ngày 15/03/2021</i>		
- Vốn góp của Nhà nước 51% VĐL	102.000.000.000	102.000.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác 49 % VĐL	98.000.000.000	98.000.000.000
<b>Cộng</b>	<u><u>200.000.000.000</u></u>	<u><u>200.000.000.000</u></u>
<b>c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận :</b>		
<b>- Vốn đầu tư của chủ sở hữu ( nguồn vốn kinh doanh)</b>	<u>Ngày 30/06/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	<u>200.000.000.000</u>	<u>200.000.000.000</u>
<b>d) Cổ phiếu</b>	<u>Ngày 30/06/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành :	20.000.000	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đ/CP	10.000 đ/CP
<b>đ) Cổ tức</b>		
<b>e) Các quỹ của doanh nghiệp :</b>		
<b>- Quỹ đầu tư phát triển</b>	<u>Ngày 30/06/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
+ Số dư quỹ đầu năm	82.932.721.854	82.932.721.854
+ Tăng trong năm	-	-
+ Giảm trong năm	<u>0</u>	<u>-</u>
+ Số dư quỹ cuối năm	<u><u>82.932.721.854</u></u>	<u><u>82.932.721.854</u></u>
<b>23- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán</b>	<u>Ngày 30/06/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
<b>a) Ngoại tệ các loại</b>		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	3.799.487,90	635.852,58

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Cho Quý II năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐ KINH DOANH :**

<b>24- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp DV ( MS 01)</b>	<b>06 tháng năm 2021</b>	<b>06 tháng năm 2020</b>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	364.481.798.878	245.596.731.259
<i>Trong đó :</i>		
+ Doanh thu hoạt động vận tải biển	353.138.852.990	189.273.098.603
+ Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	11.342.945.888	56.323.632.656
<b>26- Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV(MS10)</b>	<b>364.481.798.878</b>	<b>245.596.731.259</b>
<b>27- Giá vốn hàng bán ( Mã số 11)</b>	<b>06 tháng năm 2021</b>	<b>06 tháng năm 2020</b>
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển	282.387.090.619	193.478.316.363
- Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ khác đã cung cấp	10.237.835.468	53.304.635.672
<b>Cộng</b>	<b>292.624.926.087</b>	<b>246.782.952.035</b>
<b>28- Doanh thu hoạt động tài chính ( Mã số 21)</b>	<b>06 tháng năm 2021</b>	<b>06 tháng năm 2020</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.176.038	28.953.540
- Lãi cho vay		
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	
- Lãi bán cổ phiếu	7.005.468.600	
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	7.200
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	221.182.961	140.004.446
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	680.415.740	-
<b>Cộng</b>	<b>7.915.243.339</b>	<b>168.965.186</b>
<b>29- Chi phí tài chính ( Mã số 22)</b>	<b>06 tháng năm 2021</b>	<b>06 tháng năm 2020</b>
- Chi phí lãi vay	11.020.877.470	10.783.753.356
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	710.516.550	482.335.593
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	523.656.502
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(338.117.400)	23.905.800
- Chi phí tài chính khác	16.725.267	228.616
<b>Cộng</b>	<b>11.410.001.887</b>	<b>11.813.879.867</b>
<b>30- Thu nhập khác</b>	<b>06 tháng năm 2021</b>	<b>06 tháng năm 2020</b>
- Thu nhập từ xử lý tái cơ cấu đối với khoản vay ngân hàng	24.767.043.813	26.040.909.091
- Thu nhập từ công nợ không phải trả nhà cung cấp	1.382.961	
- Các khoản khác		9.281.952
<b>Cộng</b>	<b>24.768.426.774</b>	<b>26.050.191.043</b>
<b>31- Chi phí khác</b>	<b>06 tháng năm 2021</b>	<b>06 tháng năm 2020</b>
- Các khoản bị phạt		76.721
- Chi phí hao hụt trong quá trình vận chuyển		
- Các khoản khác	1	76.923.854
<b>Cộng</b>	<b>1</b>	<b>77.000.575</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Cho Quý II năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

32- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	<u>06 tháng năm 2021</u>	<u>06 tháng năm 2020</u>
a) Chi phí bán hàng	10.181.321.838	2.406.561.552
Hoa hồng phí cho các tàu	10.181.321.838	2.406.561.552
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.911.606.404	8.432.402.715
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	510.993.036	476.703.563
Chi phí nhân công	10.470.688.060	6.055.173.353
Chi phí khấu hao tài sản cố định	336.370.579	203.792.670
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(228.824.000)	(49.672.750)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	581.042.088	714.413.067
Chi phí khác bằng tiền	2.236.336.641	1.026.992.812
<b>Cộng</b>	<u><b>24.092.928.242</b></u>	<u><b>10.838.964.267</b></u>
33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố :	<u>06 tháng năm 2021</u>	<u>06 tháng năm 2020</u>
33.1- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	124.890.860.907	75.841.175.012
- Nhiên liệu	115.137.695.401	71.055.973.735
- Nguyên liệu, vật liệu	9.753.165.506	4.785.201.277
33.2- Chi phí nhân công	43.763.485.859	41.480.431.890
- Tiền lương	37.528.476.400	33.465.916.614
- BHXH	2.323.307.805	3.068.516.465
- Bảo hiểm y tế	245.795.316	384.598.823
- Bảo hiểm thất nghiệp	132.760.446	175.631.866
- Kinh phí công đoàn	265.520.892	528.273.622
- Tiền ăn ca, định lượng, phụ cấp độc hại	3.267.625.000	3.857.494.500
33.4- Chi phí khấu hao tài sản cố định	43.187.507.553	42.694.370.362
33.5- Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.876.330.424	85.264.612.535
33.6- Chi phí khác bằng tiền	4.228.493.586	3.277.206.423
<b>Cộng</b>	<u><b>316.946.678.329</b></u>	<u><b>248.557.796.222</b></u>

**VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

	<u>06 tháng năm 2021</u>	<u>06 tháng năm 2020</u>
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	4.190.000.000	2.740.000.000
- Tiền thu từ đi vay	4.190.000.000	2.740.000.000
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	9.540.000.000	25.397.024.829
- Tiền trả nợ gốc vay	9.540.000.000	25.397.024.829

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Cho Quý II năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**VIII- CÁC THÔNG TIN KHÁC****GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<b>1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt</b>	<b>06 tháng năm 2021</b>	<b>06 tháng năm 2020</b>
Thu nhập của các thành viên khác trong Hội đồng quản trị và Ban giám đốc	1.221.223.391	959.094.100
Thu nhập của Tổng Giám đốc	308.691.647	253.575.469
<b>2. Giao dịch với các bên liên quan</b>		
<b>2.1. Với Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam</b>	<b>Ngày 30/06/2021</b>	<b>Ngày 01/01/2021</b>
- Phải thu ngắn hạn khách hàng	-	-
- Phải trả người bán ngắn hạn	-	-
- Cổ tức phải trả Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam	7.179.066.588	7.179.066.588
	<b>06 tháng năm 2021</b>	<b>06 tháng năm 2020</b>
- Doanh thu	-	-
- Mua hàng hóa, dịch vụ	-	-
<b>2.2 Với Công ty con - Cty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship</b>	<b>Ngày 30/06/2021</b>	<b>Ngày 01/01/2021</b>
- Phải thu ngắn hạn khách hàng	7.255.802	3.249.321
- Phải trả người bán ngắn hạn	-	1.297.437.598
	<b>06 tháng năm 2021</b>	<b>06 tháng năm 2020</b>
- Doanh thu	29.067.732	-
- Mua hàng hóa, dịch vụ	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Cho Quý II năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

## 4) Trình bày doanh thu, chi phí, kết quả SXKD theo từng hoạt động :

Các hoạt động	Quý II năm 2021	06 tháng Năm 2021	Quý II năm 2020	06 tháng Năm 2020
<b>Vận tải biển</b>				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	222.515.847.577	353.138.852.990	85.469.133.814	189.273.098.603
- Chi phí	171.783.543.319	306.480.018.861	92.785.684.593	204.317.280.630
- Lợi nhuận	50.732.304.258	46.658.834.129	(7.316.550.779)	(15.044.182.027)
<b>Hoạt động dịch vụ</b>				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	5.155.071.111	11.342.945.888	21.931.649.254	56.323.632.656
- Chi phí	4.630.902.723	10.237.835.468	21.733.697.437	53.304.635.672
- Lợi nhuận	524.168.388	1.105.110.420	197.951.817	3.018.996.984
<b>Hoạt động tài chính</b>				
- Doanh thu tài chính	7.767.263.688	7.915.243.339	161.506.271	168.965.186
- Chi phí tài chính	5.931.795.970	11.410.001.887	1.163.586.350	11.813.879.867
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	1.835.467.718	(3.494.758.548)	(1.002.080.079)	(11.644.914.681)
<b>Hoạt động khác</b>				
- Thu nhập hoạt động khác	12.768.426.376	24.768.426.774	26.050.190.348	26.050.191.043
- Chi phí hoạt động khác		1	854	77.000.575
- Lợi nhuận từ hoạt động khác	12.768.426.376	24.768.426.773	26.050.189.494	25.973.190.468

NGƯỜI LẬP

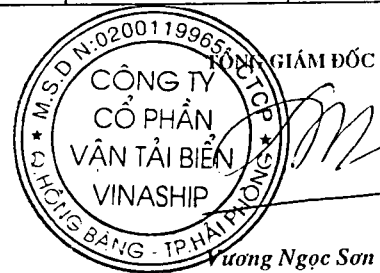


Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



Vương Ngọc Sơn